

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 11/2025/KDTM-ST

Ngày: 12-9-2025

V/v tranh chấp
hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Tấn Đạt

Bà Trương Thị Thu Cúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thảo Vy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 01/2025/KDTM-ST ngày 02/7/2025 về việc “tranh chấp hợp đồng dịch vụ”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-KDTM ngày 11 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2025/QĐST-KDTM ngày 28 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên (viết tắt TNHH MTV) Cơ khí Xây dựng Thương mại V; địa chỉ: Số B, đường L, khu phố G, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố T, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đỗ Văn T là người đại diện theo pháp luật (Giám đốc Công ty TNHH MTV C); có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) Tư vấn thiết kế - Xây dựng dựng trang trí nội thất kiến trúc 3A; địa chỉ: Số B, đường L, khu phố C, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố H, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn N; địa chỉ: Số B, đường L, khu phố C, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố H, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) là người đại diện theo pháp luật (Giám đốc Công ty TNHH T dựng trang trí nội thất kiến trúc 3A); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/5/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty TNHH MTV C do người đại diện theo pháp luật là ông Đỗ Văn T trình bày:

Ngày 05 tháng 09 năm 2024, Công ty TNHH MTV C (gọi tắt là Công ty V) và Công ty TNHH T (gọi tắt là Công ty C) ký kết Bản báo giá làm cửa nhôm Xingfa nhà phố thay cho Hợp đồng giữa hai bên với nội dung: Công ty V sẽ thi công lắp đặt cửa nhôm Xingfa dày 1,4mm; màu xám (hiệu P), kính 8 ly cường lực cho Công ty C tại công trình nhà ở địa chỉ: 1, đường Đ, khu phố H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Tổng chi phí thực hiện cho việc lắp đặt là 61.925.640 đồng (sáu mươi một triệu, chín trăm hai mươi lăm nghìn, sáu trăm bốn mươi đồng).

Công ty V nhận được hai đợt tiền cọc của Công ty C như sau: Tiền cọc đợt một chuyển khoản vào ngày 24 tháng 09 năm 2024 số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng); tiền cọc đợt hai chuyển khoản vào ngày 12 tháng 10 năm 2024 số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Ngày 15 tháng 10 năm 2024, Công ty V đã hoàn thành việc lắp đặt công trình, Công ty V và Công ty C đã ký kết hóa đơn tiền làm cửa nhôm X xác nhận Công ty C còn nợ Công ty V số tiền 36.925.640 đồng. Công ty V đã yêu cầu thanh toán nhiều lần nhưng phía Công ty C không có phản hồi, không thực hiện thanh toán đối với phần chi phí còn lại.

Ngày 19 tháng 12 năm 2024, Công ty C (đại diện bên A) và Công ty V (đại diện bên B) đã ký biên bản công nợ xác nhận số tiền Công ty C còn nợ Công ty V là 36.925.640 đồng; Công ty C cam kết thanh toán trước ngày 20 tháng 01 năm 2025 (trong biên bản xác nhận công nợ đã ghi nhằm thành trước ngày 20 tháng 01 năm 2024); nếu bên A (Công ty C) chậm trả theo thỏa thuận thì sẽ chịu trách nhiệm đối với số tiền chậm trả tương ứng với lãi suất 01%.

Tuy nhiên từ tháng 01 năm 2025 cho đến nay, Công ty C chưa thanh số tiền nợ còn lại cho Công ty V. Công ty V đã nhiều lần liên hệ yêu cầu Công ty C giải quyết, nhưng Công ty C không có thiện chí muốn giải quyết và chỉ hứa hẹn hết lần này đến lần khác không thực hiện nghĩa vụ.

Nay, Công ty V khởi kiện yêu cầu Công ty C thanh toán số tiền còn nợ: 36.925.640 đồng (ba mươi sáu triệu, chín trăm hai mươi nghìn, sáu trăm bốn mươi đồng) và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 20 tháng 01 năm 2025 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (ngày 11/8/2025), lãi suất 01%/tháng, tạm tính là: 2.600.000 đồng; tổng cộng số tiền yêu cầu thanh toán: 39.542.640 đồng.

Bị đơn Công ty TNHH T nội thất kiến trúc 3A: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty TNHH T nội thất kiến trúc 3A tại trụ sở Công ty. Tuy nhiên, Công ty TNHH T nội thất kiến trúc 3A không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có đơn yêu cầu phản tố và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ các yêu cầu và ý kiến đã trình bày và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, đồng thời có gửi bảng kê chi tiết số tiền gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 12/9/2025: Công ty C còn nợ số tiền 39.823.518 đồng, trong đó: Tiền gốc: 36.925.640 đồng; tiền lãi: 2.867.878 đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật, Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV C đối với bị đơn với Công ty TNHH T nội thất kiến trúc 3A về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty V khởi kiện cầu bị đơn Công ty C thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi chậm thanh toán từ việc Công ty V nhận lắp đặt cửa nhôm Xingfa dày 1,4mm; màu xám (hiệu P) cho Công ty C tại công trình nhà ở địa chỉ: 124/14 - ĐX F, khu phố H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Hợp đồng giữa hai bên có nội dung tương tự quy định về hợp đồng dịch vụ được quy định tại khoản 9 Điều 3 của Luật Thương mại và từ Điều 513 đến Điều 519 của Bộ luật Dân sự;. Tại các văn bản tố tụng của Tòa án gồm: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử... ghi quan hệ tranh chấp là hợp đồng thi công là không phù hợp, do đó Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật trong vụ án là “tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

[1.2] Về thẩm quyền: Do bị đơn Công ty C có địa chỉ tại số B, đường L, khu phố C, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố H, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3] Về việc tham gia của đương sự tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Đối với bị đơn Công ty C: Tại báo cáo tổng hợp về lịch sử đăng ký doanh nghiệp trong 03 năm được kết xuất từ cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp ngày 31/7/2025 thể hiện Công ty TNHH T có mã số doanh nghiệp: 3702303321, đăng ký lần đầu ngày 30/9/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 18/3/2023; địa chỉ công ty: Số B, đường L, khu phố C, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Văn N, chứng minh nhân dân số: 052081013769, ngày cấp 05/9/2022; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc; tình trạng pháp lý: Đang hoạt động.

Tại biên bản xác minh của Công an phường P, thành phố Hồ Chí Minh ngày 28/7/2025 thể hiện ông Nguyễn Văn N có đăng ký thường trú tại số B, đường L, khu phố C, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố H, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) và hiện nay đang sinh sống tại địa chỉ trên. Tòa án đã thực hiện tổng đạt văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn N tại địa chỉ đăng ký của ông N ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (số B, đường L, khu phố C, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố H, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) nhưng ông N không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Căn cứ quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.2] Về số tiền nợ gốc:

[2.2.1] Nguyên đơn Công ty V yêu cầu bị đơn Công ty C thanh toán số tiền gốc còn nợ: 36.925.640 đồng. Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn xuất trình để khởi kiện bị đơn là Bản báo giá làm cửa nhôm Xingfa nhà phố tại công trình nhà số: 124/14 - ĐX 006, khu phố H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương ký ngày 05 tháng 09 năm 2024; Hóa đơn tiền làm cửa nhôm Xingfa ngày 15/10/2024; Biên bản xác nhận công nợ ngày 19/12/2024. Xét, Biên bản xác nhận công nợ ngày 19/12/2024 có nội dung: Tổng số tiền bên A (Công ty C) nợ bên B (Công ty V) là 61.925.640 đồng; bên A đã thanh toán cho bên B số tiền 25.000.000 đồng; bên A còn nợ bên B số tiền 36.925.640 đồng; bên A cam kết thanh toán số tiền còn nợ trước ngày 20/01/2024 (theo nguyên đơn trình bày là do ghi nhầm thành 20/01/2025). Đại diện bên A (Công ty C) là ông Nguyễn Văn N và đại diện bên B (công ty V) là ông Đỗ Văn T đã ký tên và đóng dấu công ty; Hóa đơn tiền làm cửa nhôm Xingfa ngày 15/10/2024, Công ty C xác nhận còn nợ Công ty V 36.955.640 đồng. Tuy nhiên, Công ty V xác nhận trong đơn khởi kiện và các bản tự khai rằng Công ty C còn nợ Công ty V số tiền 36.925.640 đồng.

[2.2.2] Đối với bị đơn Công ty C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để xác định việc bị đơn đã thực hiện một phần hay toàn bộ nghĩa vụ thanh toán đối với số tiền nguyên đơn khởi kiện. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Như phân tích tại mục [2.2.1], bị đơn đã không thanh toán tiền cho nguyên đơn theo đúng cam kết là đã vi phạm thỏa thuận của các bên về thời hạn thanh toán và vi phạm nghĩa vụ thanh toán của khách hàng quy định tại Điều 85 của Luật Thương mại, Điều 519 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền gốc còn nợ là 36.925.640 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Về tiền lãi chậm thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả tính từ ngày phát sinh nghĩa vụ thanh toán (ngày 20/01/2025) đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (ngày 12/9/2025), với mức lãi suất là 01%/tháng (tương ứng 12%/năm), số tiền lãi yêu cầu là 2.867.878 đồng.

Xét thấy tại điều 2 Biên bản xác nhận công nợ ngày 19/12/2024 các bên thỏa thuận: Nếu bên A (Công ty C) chậm trả theo thỏa thuận thì sẽ chịu trách nhiệm đối với số tiền chậm trả tương ứng với lãi suất 01%; nghĩa là lãi suất là 01%/tháng (tương ứng 12%/năm). Điều 306 của Luật Thương mại quy định: *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”*. Căn cứ vào bảng lãi suất do Ngân hàng N1, Ngân hàng TMCP N2 và Ngân hàng TMCP C1 cung cấp thì việc Công ty V và công ty C thỏa thuận lãi suất chậm trả 12%/năm là phù hợp nên được chấp nhận. Do đó, lãi chậm trả tính từ ngày 20/01/2025 đến ngày 12/9/2025 như sau: $36.925.640 \text{ đồng} \times 12\%/năm \times 07 \text{ tháng} 23 \text{ ngày} = 2.867.878 \text{ đồng}$.

Tổng cộng tiền gốc và lãi Công ty C phải thanh toán cho Công ty V là: $36.925.640 \text{ đồng} + 2.867.878 \text{ đồng} = 39.793.518 \text{ đồng}$.

[2.4] Từ phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc: 36.925.640 đồng và tiền lãi 2.867.878, tổng cộng 39.793.518 đồng.

[3] Ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải nộp án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 203, 227, 228, 235, 266, 267 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tổ tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án ngày 25/6/2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 9, Điều 85 của Luật Thương mại; Điều 519 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xác định quan hệ pháp luật giữa nguyên đơn Công ty TNHH MTV C đối với bị đơn Công ty TNHH T nội thất kiến trúc 3A là “tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV C với bị đơn Công ty TNHH T về việc “tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

Buộc Công ty TNHH T phải trả cho Công ty TNHH MTV C tổng số tiền là 39.793.518 đồng (ba mươi chín triệu, bảy trăm chín mươi ba nghìn, năm trăm mười tám đồng); trong đó, tiền nợ gốc là 36.925.640 đồng (ba mươi sáu triệu, chín trăm hai mươi nghìn, sáu trăm bốn mươi đồng) và tiền lãi chậm thanh toán là 2.867.878 đồng (hai triệu, tám trăm sáu mươi bảy nghìn, tám trăm bảy mươi tám đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH T phải chịu 1.989.676 đồng (một triệu, chín trăm tám mươi chín nghìn, sáu trăm bảy mươi sáu đồng).

Công ty TNHH MTV C không phải chịu. Thi hành án dân sự thành phố H trả lại cho Công ty TNHH MTV C số tiền 1.500.000 đồng (một triệu, năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số số 0003880 ngày 29/5/2025.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 15 - Tp. HCM;
- THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Dương Thị Kim Thoa